TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 97 /2021/QĐST-HNGĐ *, ngày 04 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 185/2021/TLST-VHN ngày 13/4/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1/ Bà Bùi Thị N, sinh năm: 1967. Địa chỉ: phường B, quận B, Thành phố C.

2/ Ông Trần Ngọc H, sinh năm: 1975. Địa chỉ: phường A, quận N, Thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông H và bà N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 17/3/2020 tại UBND phường A, quận N, TP.C. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Sau nhiều lần tìm các biện pháp hàn gắn nhằm duy trì quan hệ hôn nhân nhưng không đạt được kết quả như mong muốn. Vì vậy, ông H và bà N thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn và thỏa thuận thống nhất các vấn đề khác.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị N và Ông Trần Ngọc H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Người yêu cầu là bà N phải chịu 300.000*(ba trăm ngàn)*đồng, khấu trừ vào tiền đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 003697 ngày 22/2/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố C. Đương sự đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi gửi*:**
- TAND TP. C;
- VKSND Q. N;
- UBND phường(xã) nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA Q. N;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Thị A